TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ghên

2. Bà Lê Thị Cẩm Tú

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa– Thư ký Toà án.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 986/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Cao C, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy K trình bày:

Do quen biết và được gia đình đồng ý nên bà Nguyễn Thị Thúy K với ông Trần Cao C xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới; có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ vào ngày 15/9/2014. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C thường rượu chè, không lo làm ăn, đánh đập vợ nên bà K về nhà mẹ ruột sống từ

năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông C nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà K với ông C có một con chung tên Trần Quốc D, sinh ngày 21/01/2015; bà K đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà K yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung; bà K không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà K xác định không có nợ chung với ông C.

Bị đơn ông Trần Cao C vắng mặt và không có giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến, đề nghị của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn ông C vắng mặt nên vụ án không hòa giải được và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà K và bị đơn ông C đều vắng mặt, nhưng bà K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Thúy K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Cao C. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp ly hôn", nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn bà K, bị đơn ông C đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng bà K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ; còn ông C vắng mặt nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì nguyên đơn bà K yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về tình cảm vợ chồng; nuôi con chung; không yêu cầu về cấp dưỡng; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông C không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và sự thừa nhận của đương sự thì bà K và ông C xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã H,

huyện Đ vào ngày 15/9/2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K với ông C là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên gây gổ; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Mặt khác, ông C đều vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại các phiên tòa cho thấy ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà K. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà K với ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà K đối với ông C.

[6] Theo các Giấy khai sinh và sự thừa nhận của đương sự thì bà K và ông C có một con chung tên Trần Quốc D, sinh ngày 21/01/2015; bà K đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà K yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cháu D cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà K không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên ông C không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[8] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[9] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung với nhau nên không đề cập.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy K đối với ông Trần Cao C.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy K được ly hôn với ông Trần Cao C.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thúy K và ông Trần Cao C có một con chung tên Trần Quốc D, sinh ngày 21/01/2015; bà K đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà K được quyền tiếp tục nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Trần Cao C không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo Biên lai số 0003625 ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã H;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương